

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 01/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp T, xã Lt, huyện Tị, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: Văn Phòng Luật sư Việt U, số 199, đường N, khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1967.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh **Dương Phần K**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: 03, đường Nguyễn Thị Minh K, khóm C, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Võ Thị T (Võ Thị N)**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tiên: Bà **Trương Thị Mỹ L**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ liên hệ: số 104, đường D, khóm G, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1967.

3. Chị **Võ Hồng Y**, sinh năm 1989.

4. Anh **Võ Văn Đ**, sinh năm 1992.

5. Chị **Tiết Thị Hoài N**, sinh năm 2001.

6. Chị **Võ Thị Hồng S**, sinh năm 2002.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, chị Y, anh Đ, chị N, chị S: Anh **Dương Phấn K**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: 03, đường Nguyễn Thị Minh K, khóm C, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

7. Anh **Võ Thành T**

8. Anh **Võ Văn G**

9. Chị **Nguyễn Hồng T**

Cùng địa chỉ: khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự thống nhất yêu cầu chia di sản thừa kế gồm các thửa đất 111 và thửa 113, thuộc tờ bản đồ số 01, tọa lạc khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do Ủy ban nhân dân huyện T (nay thị xã N) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/3/1995 cấp cho hộ ông Võ Văn B đứng tên. Phần đất được chia có tứ cạnh và diện tích cụ thể như sau:

* Phần của ông Võ Văn T được nhận di sản thừa kế và tài sản chung của hộ là diện tích tại thửa đất 111, thuộc tờ bản đồ số 01, tọa lạc khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng như sau:

- Phần thứ nhất (phần được đánh số 01), diện tích: 2.465,5 m², mục đích sử dụng: đất trồng lúa tọa lạc khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. **Tương đương 135.602.500 đồng (2.465,5 m² x 55.000 đồng). Tứ cạnh cụ thể:**

+ Hướng Đông giáp phần đất tại thửa 111 (phần bà Võ Thị T được nhận, đánh số 02) có số đo 66,07m;

+ Hướng Tây giáp đất của bà Võ Thị X có số đo 47,72m;

+ Hướng Nam giáp với phần đất ông Giang Văn T có số đo 44,43m;

+ Hướng Bắc giáp với phần đất giải phóng mặt bằng có số đo 45,05m;

- Phần thứ hai (phần được đánh số 05), diện tích: 1.469,3 m², mục đích sử dụng: đất trồng lúa tọa lạc khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. **Tương đương 80.811.500 đồng (1.469,3 m² x 55.000 đồng). Tứ cạnh cụ thể:**

+ Hướng Đông giáp phần đất của bà Đoàn Thị Thúy H có số đo 90,14m;

- + Hướng Tây giáp đất tại thửa đất 111 (phần bà Võ Thị T được nhận, đánh số 04) có số đo 90,45m;
- + Hướng Nam giáp với phần đất ông Giang Văn T có số đo 14,90m;
- + Hướng Bắc giáp với phần đất của bà Đoàn Thị Thúy H có số đo 15,44m;
- * Phần của bà Võ Thị T được nhận di sản thừa kế và tài sản chung của hộ là diện tích tại thửa đất 111 sau:
 - Phần thứ nhất (phần được đánh số 02), diện tích: 2.465,5 m², mục đích sử dụng: đất trồng lúa tọa lạc khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. **Tương đương 135.602.500 đồng (2.465,5 m² x 55.000 đồng). Tứ cạnh cụ thể:**
 - + Hướng Đông giáp phần đất tại thửa 111 (phần ông Võ Văn T được nhận, đánh số 03) có số đo 80,52m;
 - + Hướng Tây giáp phần đất tại thửa 111 (phần ông Võ Văn T được nhận, đánh số 01) có số đo 66,07m;
 - + Hướng Nam giáp với phần đất ông Giang Văn T có số đo 33,78m;
 - + Hướng Bắc giáp với phần đất giải phóng mặt bằng có số đo 35,56m;
 - Phần thứ hai (phần được đánh số 04), diện tích: 1.469,3 m², mục đích sử dụng: đất trồng lúa tọa lạc khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. **Tương đương 80.811.500 đồng (1.469,3 m² x 55.000 đồng). Tứ cạnh cụ thể:**
 - + Hướng Đông giáp phần đất tại thửa 111 (phần ông Võ Văn T được nhận, đánh số 05) có số đo 90,45m;
 - + Hướng Tây giáp đất tại thửa đất 111 (phần ông Võ Văn T được nhận, đánh số 03) có số đo 90,96m;
 - + Hướng Nam giáp với phần đất ông Giang Văn T có số đo 14,90m;
 - + Hướng Bắc giáp với phần đất của bà Đoàn Thị Thúy H có số đo 17,61m;
 - * Phần của ông Võ Văn T được nhận di sản thừa kế và tài sản chung của hộ là diện tích tại thửa đất 111 (phần được đánh số 03), diện tích: 3.934,8 m², mục đích sử dụng: đất trồng lúa tọa lạc khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. **Tương đương 216.414.000 đồng (3.934,8 m² x 55.000 đồng). Tứ cạnh cụ thể:**
 - + Hướng Đông giáp phần đất tại thửa 111 (phần bà Võ Thị T được nhận, đánh số 04) có số đo 90,96m;
 - + Hướng Tây giáp phần đất tại thửa 111 (phần bà Võ Thị T được nhận, đánh số 02) có số đo 80,52m;
 - + Hướng Nam giáp với phần đất ông Giang Văn T có số đo 12,54m + 15,97m + 16,22m.
 - + Hướng Bắc giáp với phần đất giải phóng mặt bằng và đất của bà Đoàn Thị Mỹ H có số đo 15,56m + 14,43m + 16,18m.
 - * Phần của ông Võ Văn T được nhận di sản thừa kế và tài sản chung của hộ là diện tích tại thửa đất 113, thuộc tờ bản đồ số 01, tọa lạc khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng sau:

- Phần đất ông Võ Văn T được nhận di sản thừa kế và tài sản chung của hộ là diện tích tại thửa đất 113 (phần được đánh số 01), diện tích: 717,3 m² (trong đó có 100 m² đất thổ cư và 617,3 m² đất cây lâu năm), tọa lạc khóm V, phường C, thị xã N tỉnh Sóc Trăng. **Tương đương 100.000.000 đồng (thổ cư) + 92.595.000 đồng (cây lâu năm), tổng cộng 192.595.000 đồng. Tứ cạnh cụ thể:**

+ Hướng Đông giáp phần đất tại thửa 113 (phần bà Võ Thị T được nhận, đánh số 02) có số đo 15,31m + 16,65m + 36,30 + 4,97m + 19,63m.

+ Hướng Tây giáp phần đất của ông Võ Văn X có số đo 3,51m + 88,15m;

+ Hướng Nam giáp với phần đất bà Võ Thị S có số đo 6,35m;

+ Hướng Bắc giáp với lộ nhựa có số đo 7,44m;

- Phần đất bà Võ Thị T được nhận di sản thừa kế và tài sản chung của hộ là diện tích tại thửa đất 113 (phần được đánh số 02), diện tích: 549,8 m² (trong đó có 100 m² đất thổ cư và 449,8 m² đất cây lâu năm), tọa lạc khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. **Tương đương 100.000.000 đồng (thổ cư) + 67.470.000 đồng (cây lâu năm), tổng cộng 167.470.000 đồng. Tứ cạnh cụ thể:**

+ Hướng Đông giáp phần đất tại thửa 113 (phần ông Võ Văn T được nhận, đánh số 03) có số đo 36,49m + 11,24m + 45,65m.

+ Hướng Tây giáp phần đất tại thửa 113 (phần ông Võ Văn T được nhận, đánh số 01) có số đo 15,31m + 16,65m + 36,30 + 4,97m + 19,63m.

+ Hướng Nam giáp với phần đất bà Võ Thị S có số đo 6,36m;

+ Hướng Bắc giáp với lộ nhựa có số đo 4,78m;

- Phần đất ông Võ Văn T được nhận di sản thừa kế và tài sản chung của hộ là diện tích tại thửa đất 113 (phần được đánh số 03), diện tích: 549,7 m² (trong đó có 100 m² đất thổ cư và 449,7 m² đất cây lâu năm), tọa lạc khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. **Tương đương 100.000.000 đồng (thổ cư) + 67.455.000 đồng (cây lâu năm), tổng cộng 167.455.000 đồng. Tứ cạnh cụ thể:**

+ Hướng Đông giáp phần đất Trạm xăng dầu số 08 và đất của ông Lê Văn C có số đo 54,97m + 7,21m + 32,28m;

+ Hướng Tây giáp phần đất tại thửa 113 (phần bà Võ Thị T được nhận, đánh số 02) có số đo 36,49m + 11,24m + 45,65m.

+ Hướng Nam giáp với phần đất bà Võ Thị S có số đo 6,35m;

+ Hướng Bắc giáp với lộ nhựa có số đo 4,78m;

Đối với phần căn nhà chính (nhà của ông T) và các công trình xây dựng của ông Võ Văn T thì các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Đối với phần nền mộ (trên phần đất mà ông Võ Văn T được nhận) thì các đương sự cùng thống nhất giao cho ông Võ Văn T quản lý.

Đối với các căn nhà chính 2 (nhà tạm) có diện tích ngang 9,7m x dài 11,24m có kết cấu nền lán xi măng cửa gỗ vách tol, ván, hệ vi kèo gỗ không trần, mái tol ximang thì các đương sự cùng thống nhất giao cho bà Võ Thị T. Bà Võ Thị T có nghĩa vụ tự tháo dỡ, di dời căn nhà này trong thời hạn 03 tháng kể

từ ngày hòa giải thành (ngày 29/01/2021) để trả lại diện tích đất cho ông T (phần đất được nhận thừa kế);

Đối với các cây trồng trên đất thì các đương sự thống nhất không yêu cầu, đối với cây trồng trên phần của ai được chia thừa kế thì được quyền sử dụng.

3/ Về chi phí thẩm định, định giá: 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*), các đương sự thống nhất thỏa thuận ông Võ Văn T phải chịu 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*), ông Võ Văn T phải chịu 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*), bà Võ Thị T phải chịu 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*). Do ông Võ Văn T đã nộp tạm ứng, nên ông T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông T số tiền chi phí thẩm định, định giá 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*); bà T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông T số tiền chi phí thẩm định, định giá 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*);

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Võ Văn T chịu án phí chia thừa kế là 10.180.180 đồng (*mười triệu, một trăm tám mươi ngàn, một trăm tám mươi đồng*). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.500.000đ (*bốn triệu, năm trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0002862 ngày 30/12/2019 của Chi cục thi hành án thị xã Ngã Năm. Ông T còn phải nộp thêm số tiền án phí là 5.680.180 đồng (*năm triệu, sáu trăm tám mươi ngàn, một trăm tám mươi đồng*).

- Bị đơn ông Võ Văn T chịu án phí chia thừa kế là 9.596.725 đồng (*chín triệu, năm trăm chín mươi sáu ngàn, bảy trăm hai mươi lăm đồng*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T chịu án phí chia thừa kế là 9.597.100 đồng (*chín triệu, năm trăm chín mươi bảy ngàn, một trăm đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn